

Số: 24/KH-THCSHTK

Tam Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Giáo dục Nhà trường năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn 344/BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông;

Công văn số 3280/BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông;

Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Xây dựng Kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 về Quy chế đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 về Quy định đánh giá học sinh THCS và THPT;

Căn cứ Quyết định 2171/QĐ-BGDĐT ngày 28/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ Giáo dục Đào tạo Ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Công văn số 3899/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 8/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Công văn số 1955/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 175/PGDĐT của Phòng Giáo dục và Đào tạo Núi Thành về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học năm học 2023-2024;

Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên trong

a) Điểm mạnh

* Đội ngũ CB-GV-NV nhà trường:

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn luôn tâm huyết với nghề; có tinh thần đoàn kết, có năng lực chuyên môn vững vàng, luôn cầu tiến, có giáo viên dạy đầy đủ các bộ môn; có đầy đủ thành phần về nhân viên đảm bảo các công việc; có rất nhiều thầy cô là giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, là những tấm gương sáng cho đồng nghiệp học tập và học sinh noi theo.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường và mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tầm nhìn khoa học, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn có tính khả thi, sát thực tế; công tác tổ chức triển khai, kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới.

- Được sự tin tưởng của CB-GV-NV nhà trường; chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và cấp trên quan tâm đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Trong những năm qua, chất lượng giáo dục của nhà trường luôn luôn ổn định và phát triển, chất lượng giáo viên giỏi ngày càng tăng cao.

- Chi bộ, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Chi Đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gắn kết thành một khối thống nhất, đoàn kết, gương mẫu đi đầu trong mọi công việc nên có sức thuyết phục rất lớn.

* Học sinh: Đa số học sinh ngoan, hiền, lễ phép, biết chăm lo học hành.

* Phụ huynh: Đa số phụ huynh quan tâm đến việc học của con, trang bị đầy đủ các điều kiện cho con học tập.

* Cơ sở vật chất:

- Có đầy đủ phòng học đảm bảo dạy 02 buổi/ ngày. Các phòng học đều có mạng internet, có ti vi, máy tính để dạy học ứng dụng CNTT, có 05 phòng bộ môn.

- Nhà trường có nhiều cây xanh bóng mát, cảnh quan đẹp; sân chơi, bãi tập được bố trí hoàn chỉnh; hệ thống nước uống hợp vệ sinh. Có 02 phòng thực hành tin học với 35 máy được kết nối mạng internet.

b) Điểm yếu

* Đội ngũ giáo viên:

- Một số giáo viên còn ngại vấn đề đổi mới, nhất là việc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Một số giáo viên do tuổi cao nên việc tiếp cận với phương tiện dạy học hiện đại, đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn gặp nhiều khó khăn.

- Hàng năm luôn có sự biến động, luân chuyển giáo viên, dẫn đến việc thiếu cục bộ, thiếu ổn định trong công tác tổ chức, do vậy mà giáo viên chưa thực sự an tâm công tác và cống hiến hết mình.

- Trình độ Tin học của giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nên phần lớn gặp khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học.

* Học sinh

- Một số em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên thiếu sự quan tâm chăm sóc của gia đình, kể cả việc học tập và rèn luyện hạnh kiểm.

- Nhân dân địa phương đa số sống bằng nghề nông, làm công nhân có thu nhập thấp hoặc không ổn định nên chưa có điều kiện đầu tư cho con cái.

* Cơ sở vật chất

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Một số phòng học bộ môn chưa đáp ứng yêu cầu theo thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Tạm sử dụng các phòng học làm khối phòng hành chính quản trị nên có gặp khó khăn trong công tác quản lý và làm việc.

2. Bối cảnh bên ngoài

a) Thời cơ

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là Chương trình mở, giao quyền chủ động cho nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai tập huấn việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho tất cả giáo viên với lộ trình phù hợp.

- Cơ chế chính sách và thể chế quản lý giáo dục đã có sự thay đổi, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở nhiều lĩnh vực đã giúp nhà trường tự chủ trong công tác quản lý.

- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam xã Tam Hòa và các ban ngành, đoàn thể trong hệ thống chính trị của địa phương luôn chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, đây là cơ hội và điều kiện hết sức quan trọng để nhà trường tham mưu triển khai các nhiệm vụ đổi mới giáo dục, cũng như huy động các lực lượng xã hội hợp tác với nhà trường thực hiện các mục tiêu giáo dục.

- Tập thể nhà trường có sự tín nhiệm, tin tưởng, tin yêu của địa phương, phụ huynh, học sinh. Có sự quan tâm giúp đỡ kịp thời đầy trách nhiệm của lãnh đạo địa phương, lãnh đạo và chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Bên cạnh sự đầu tư của Nhà nước, trong thời gian qua, nhà trường còn nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, mạnh thường quân, cựu học sinh nhiều niên khoá; phụ huynh học sinh đã góp phần tích cực và có hiệu quả vào việc xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan sư phạm ngày càng khang trang sạch đẹp, thân thiện và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo tiêu chí của “Trường học hạnh phúc”.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành luôn luôn quan tâm và chỉ đạo sâu sát.

- Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT 4.0 và sự tuyên truyền của nhà trường và xã hội nên phần lớn phụ huynh đã nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Thách thức

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ra đời, kinh tế tri thức phát triển mạnh, biến đổi về khí hậu, ô nhiễm môi trường, diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đem lại thách thức không nhỏ đối với nước ta nói chung và địa phương xã Tam Hoà nói riêng, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân, phụ huynh học sinh, cách dạy - cách học của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

- Nội dung, chương trình giáo dục phổ thông 2018 quá mới nên học sinh, phụ huynh và nhân dân chưa có nhận thức đầy đủ, sâu sắc nên gây ra những khó khăn cho công tác giáo dục của nhà trường.

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phần chưa đáp ứng được yêu cầu trong thời kỳ đổi mới.

- Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của đội ngũ, yêu cầu về nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của giáo dục.

- Lộ trình xây dựng và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn chậm, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Học sinh là con em của xã Tam Hoà phần lớn các em là con của gia đình thuần nông nên điều kiện kinh tế khó khăn, một bộ phận cha mẹ học sinh làm công nhân ở các khu công nghiệp Chu Lai - Trường Hải sáng đi làm, tối mịt mới về, mãi mê công việc nên ít quan tâm và quản lý sát sao con em mình trong học tập và rèn luyện, còn khoán trắng cho nhà trường nên điều kiện học tập có ảnh hưởng, đặc biệt là việc tự học, tự nghiên cứu bài ở nhà.

- Giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các bộ môn vừa thừa, thiếu cục bộ. Đa số giáo viên ở xa đến công tác nên điều kiện ăn, nghỉ chưa đáp ứng.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023-2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

Tam Hoà là một xã miền Biển của huyện Núi Thành, đời sống kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên là địa phương giàu truyền thống cách mạng. Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng được thành lập từ ngày 19/04/1975. Sau hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành với vô vàn khó khăn và thử thách. Song, nhờ có sự chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành; sự đồng thuận của phụ huynh học sinh, cùng với ý chí quyết tâm, đoàn kết phấn đấu, nỗ lực vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường, trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đã phát triển toàn diện về mọi mặt. Chính vì vậy, năm 2016 nhà trường đã vinh dự được UBND tỉnh Quảng Nam công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016-2020. Ngày 14/11/2018, được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau, với mục tiêu tiếp tục củng cố vững chắc tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhà trường trở thành một địa chỉ đáng tin cậy của các bậc phụ huynh học sinh cũng như nhân dân trên địa bàn xã, tiếp tục duy trì các tiêu chuẩn của Kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn Quốc gia sau 05 năm.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường

2.1. Học sinh

Nhà trường có 13 lớp, với 550 học sinh, trong đó 271 học sinh nữ; học sinh dân tộc 01 em; học sinh khuyết tật: 02 em. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 30 em; học sinh thuộc diện chính sách: 05 em; học sinh hộ cận nghèo: 05 em. Huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 6 đạt 100%.

* TỔNG SỐ HỌC SINH TOÀN TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024

TT	Lớp	TSHS	Nữ	Tổng khối	Tổng nữ	Giáo viên chủ nhiệm
1	6/1	45	22	181	89	Nguyễn Thị Thuỷ
2	6/2	45	23			Huỳnh Thị Nhạn
3	6/3	45	21			Trần Thị Hải Yến
4	6/4	46	23			Trần Thị Thuỷ My
5	7/1	45	25	133	74	Trần Thị Trâm
6	7/2	45	25			Nguyễn Thị Kim Vũ
7	7/3	43	24			Đỗ Thị Công Đoàn
8	8/1	38	18	115	51	Nguyễn Xuân Tùng
9	8/2	39	18			Nguyễn Thị Kiều Oanh
10	8/3	38	15			Phan Thị Ánh Nguyệt
11	9/1	41	19	121	57	Đặng Thị Diệu
12	9/2	40	21			Phạm Văn Đề
13	9/3	40	18			Huỳnh Thị Phương Thảo
	13 lớp	550	271	550	271	

2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

* Về số lượng:

- Tổng số cán bộ, viên chức nhà trường là 33 người, trong đó:
- + Cán bộ quản lý: 02 người gồm 01 Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng.
- + Giáo viên: 25 người; trong đó có 05 giáo viên hợp đồng.
- + Nhân viên: 06 người, trong đó có 02 nhân viên bảo vệ (Phụ lục IV).
- Số lượng đảng viên là 21 đồng chí, tỷ lệ 63,63%%, nữ: 13 đồng chí, tỷ lệ 61,90% (Phụ lục XII).

2.3. Về cơ sở vật chất

- Nhà trường có 08 phòng học kiên cố; 02 phòng cấp 4; 04 phòng bộ môn; 02 phòng vi tính; 01 phòng dạy học ngoại ngữ. Tất cả các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

- Theo Thông tư 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thì thiếu rất nhiều, cụ thể như sau:

- Khối phòng hành chính - quản trị: 07 phòng và 02 khu gồm 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng kế toán; 01 phòng văn phòng; 01 phòng công đoàn; 01 phòng tổ chức Đảng; 01 phòng bảo vệ; 01 khu vệ sinh giáo viên và 01 khu để xe giáo viên.

- Khối phòng học tập: 07 phòng gồm 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Mỹ thuật; 02 phòng Khoa học xã hội; 01 phòng Tin học; 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng Đa chức năng.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 09 phòng gồm 04 phòng Thư viện; 02 phòng Thiết bị; 01 phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật; 01 phòng Truyền thông và 01 phòng Đoàn Đội.

- Khối phụ trợ: 08 phòng và 01 khu gồm 01 phòng họp; 03 phòng tổ bộ môn; 02 phòng nghỉ giáo viên; 01 phòng kho; 01 phòng y tế và 01 khu để xe học sinh.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 01 nhà đa năng diện tích 350m².

3. Định hướng thực hiện khung và chương trình dạy học

* Thời gian năm học: Thực hiện 35 tuần thực học.

- Bắt đầu: Từ ngày 05/9/2023; kết thúc học kỳ I trước ngày 14/01/2024; hoàn thành kế hoạch học kỳ II trước ngày 26/5/2024; kết thúc năm học trước ngày 30/5/2024.

- Học kỳ 1: Từ ngày 05/9/2023 đến trước ngày 14/01/2024 (bao gồm 18 tuần thực học và tổ chức các hoạt động khác).

- Học kỳ 2: Từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 26/5/2024 (bao gồm 17 tuần thực học và tổ chức các hoạt động khác).

* Khối lớp 6,7,8: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT (Phụ lục II và Phụ lục III).

* Khối lớp 9: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GDĐT (Phụ lục III).

4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khối 678 và hoạt động ngoài giờ lên lớp khối 9

a) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khối 6,7,8 chào

Mỗi tuần thực hiện 01 tiết chào cờ vào ngày thứ hai (35 tiết/ năm); 01 tiết sinh hoạt lớp vào ngày thứ sáu (35 tiết/ năm). Số tiết theo chủ đề (35 tiết/ năm) được thực hiện mỗi tháng một buổi 04 tiết. Lưu ý cần phải chọn lọc và có tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ngoài nhà trường (Phụ lục V).

b) Hoạt động ngoài giờ lên lớp khối 9

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp (Phụ lục V).

Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau THCS theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh. Tháng 5 tổ chức một buổi hướng nghiệp phân luồng cho học sinh lớp 9 do các trường nghề về thực hiện (Phụ lục VI).

5. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6,7,8 và lớp 9

a) Giáo dục địa phương lớp 6,7,8

- Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 02 tiết/ tuần vào tuần chẵn đối với lớp 6, lớp 7 hoặc 04 tiết/ tháng đối với lớp 8 sau khi có tài liệu của Tỉnh Quảng Nam biên soạn được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, ngoài nhà trường, dạy học trải nghiệm.

- Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

- Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Quảng Nam biên soạn.

b) Giáo dục địa phương lớp 9

Tổ chức dạy học tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD. Giáo viên linh động sắp xếp kế hoạch giảng dạy để nội dung tích hợp hiệu quả, phù hợp và thuận lợi cho công tác kiểm tra, đánh giá học sinh, không nhất thiết thực hiện vào cuối năm học. Nội dung giảng dạy chương trình địa phương được nhóm bộ môn thống nhất và được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện. Bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ phải có câu hỏi liên quan về nội dung được học.

6. Định hướng các phương pháp và hình thức dạy học

Giáo viên bộ môn sử dụng lồng ghép các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác hiệu quả đồ dùng dạy học sẵn có và tự làm vào các tiết dạy và học trên lớp.

7. Định hướng các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a) Thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT đối với lớp 9; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đối với lớp 6,7,8 (Phụ lục VIII).

b) Thực hiện có hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì (Phụ lục VII).

8. Định hướng thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm tra nội bộ, bồi dưỡng đội ngũ

a) Công tác phổ cập giáo dục

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 29/5/2023 của Ban chỉ đạo PCGD-XMC huyện Núi Thành về Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ năm 2023 và Hướng dẫn số 166/PGDĐT ngày 28/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện công tác phổ cập THCS năm 2023.

- Sử dụng thường xuyên, hiệu quả hệ thống thông tin điện tử để quản lí phổ cập giáo dục và thường xuyên cập nhật, kiểm tra tính xác thực của các số liệu trên hệ thống.

b) Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục

- Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, củng cố bộ máy tổ chức trong nhà trường theo Điều lệ trường Trung học.

- Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Tích cực tham mưu cấp trên đầu tư nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể để đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

c) Công tác kiểm tra nội bộ trường học

- Từ đầu năm học nhà trường thành lập Tổ kiểm tra nội bộ do Hiệu trưởng làm trưởng ban; Phó hiệu trưởng làm phó ban, các tổ trưởng chuyên môn, một số giáo viên cốt cán làm thành viên. Tổ kiểm tra nội bộ xây dựng kế hoạch kiểm tra trong năm học và từng đợt kiểm tra. Thực hiện hồ sơ kiểm tra theo văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT và Phòng GDĐT.

- Quy định kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo (toàn diện) là 35%, kiểm tra chuyên đề là 65% (Phụ lục X).

d) Công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định; thực hiện hiệu quả việc tham gia tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh.

- Tiếp tục tập huấn trực tuyến các mô đun còn lại do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

9. Định hướng thực hiện một số nội dung khác

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học.

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực học sinh đúng quy định theo các văn bản hướng dẫn. Thiết lập đầy đủ hồ sơ và lưu kết quả đánh giá, xếp loại sau khi kiểm tra, tổng hợp và báo cáo về Phòng GDĐT vào cuối năm học.

- Tiến hành khảo sát, lập danh sách các đội tuyển học sinh giỏi, tổ chức dạy bồi dưỡng sớm đối với các môn Toán; Ngữ văn; Anh văn lớp 6/7; KHTN 8; Tin học 8; Lịch sử và Địa lý 8 và một số môn lớp 9 mà Phòng GDĐT yêu cầu.

- Phụ đạo học sinh yếu, học sinh khó khăn trong học tập dựa vào kết quả năm trước và theo dõi của giáo viên bộ môn để phân loại học sinh, lập danh sách và dạy 03 môn Toán, Ngữ văn, Anh văn.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống tham nhũng, lãng phí; phối hợp với các cá nhân phụ trách thường xuyên đôn đốc nhắc nhở cán bộ giáo viên thực hiện nghiêm giờ giấc không để lãng phí về thời gian. Công khai, minh bạch trong công tác tài chính, tổ chức tự kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động tài chính và những công tác có liên quan.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện chủ đề năm học 2023-2024: **“Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”**.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* gắn với thực hiện phong trào *“Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*; phong trào *“xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp”*; xây dựng *“Trường học hạnh phúc”*.

- Duy trì và nâng cao các tiêu chí phổ cập giáo dục THCS mức 3 và phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào năm học 2023-2024 (Tháng 3/2023 đón đoàn đánh giá ngoài của SGD).

- Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

* Đối với học sinh khối 6,7,8 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và phân đầu đạt được kết quả hai mặt học tập và rèn luyện (Phụ lục đăng ký của tổ chuyên môn).

* Đối với học sinh khối 9 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2006 và phân đầu đạt được kết quả hai mặt học lực và hạnh kiểm (Phụ lục đăng ký của tổ chuyên môn).

- Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, hạn chế đến mức thấp nhất học sinh bỏ học giữa chừng.

- Kết quả điểm trung bình và xếp loại các môn học lớp 6789 (Phụ lục đăng ký của tổ chuyên môn).

- Kết quả tốt nghiệp THCS (dự kiến).

Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		Trung bình	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
9/1	40	12	30,00	15	37,5	14	32,50
9/2	40	14	35,00	14	35,00	12	30,00
9/3	40	16	40,00	14	35,00	10	25,00
Khối 9	121	42	34,71	43	35,54	36	29,75

- Tỷ lệ học sinh lưu: Không quá 0,36%.

- Kết quả tuyển vào lớp 10 THPT công lập: Trên 80% nếu xét tuyển, nếu thi tuyển thì trên 70%.

- Kết quả đỗ vào trường chuyên Nguyễn Bình Khiêm: Phân đầu có 03 em.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học: Không quá 0,54%.

* Các danh hiệu thi đua (đăng ký).

+ Lao động tiên tiến: Có 100% CB, GV, NV đăng ký ngay từ đầu năm.

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: Từ 04 đến 05 người.

+ Bằng khen của UBND tỉnh: Từ 01 đến 02 người.

+ Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: Từ 01 đến 02 người.

- + Giấy khen của UBND Huyện: Từ 01 đến 02 người.
- + Nhà trường đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến trở lên.
- + Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- + Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- + Liên đội: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- + Kết quả HS giỏi huyện, tỉnh (Phụ lục đăng ký của tổ chuyên môn).
- Bảng phân công giáo viên tham gia dạy bồi dưỡng học sinh giỏi

TT	Môn	Lớp	Người dạy	Số tiết BD
1	Toán	6	Phan Thị Thùy Dung	84
			Phạm Đình Phùng	
2	Ngữ văn	6	Phạm Văn Đề	84
			Trần Thị Thùy My	
3	Anh văn	6	Nguyễn Tấn Tôn	84
4	Toán	7	Nguyễn Thị Kim Vũ	84
			Đặng Thị Diệu	
5	Ngữ văn	7	Trần Văn Tám	84
			Đỗ Thị Công Đoàn	
6	Anh văn	7	Nguyễn Thị Hậu	84
7	Toán	8	Phạm Đình Phùng	84
			Nguyễn Thị Kiều Oanh	
8	KHTN	8	Nguyễn Xuân Tùng	84
			Trần Thị Trâm	
			Đoàn Thị Trà My	
			Huỳnh Thị Phương Thảo	
9	Tin học	8	Lê Kiều Trang	84
			Phạm Đình Phùng	
10	Ngữ văn	8	Phan Hoàng Phương	84
			Phan Thị Ánh Nguyệt	
11	Anh văn	8	Nguyễn Thị Hậu	84
12	LS&ĐL	8	Bùi Thị Nhàn	84
			Nguyễn Thị My	84
13	Toán	9	Phạm Đình Phùng	108
			Đặng Thị Diệu	
14	Vật lý	9	Nguyễn Xuân Tùng	108

15	Tin học	9	Lê Kiều Trang	108
			Phạm Đình Phùng	
16	Hóa học	9	Huỳnh Thị Phương Thảo	108
			Đoàn Thị Trà My	
17	Sinh học	9	Nguyễn Thị Thủy	108
18	Ngữ Văn	9	Phan Hoàng Phương	108
			Phạm Văn Đề	
19	Anh văn	9	Nguyễn Tấn Tôn	108
20	Địa lí	9	Nguyễn Thị My	108
21	Lịch sử	9	Mời cô Lê Thị Minh Thu	108
22	VH-HV		Trần Văn Tám	30
			Phan Thị Ánh Nguyệt	
			Nguyễn Thị Kim Tuyền	
23	Tài năng tiếng Anh		Nguyễn Tấn Tôn	30
			Nguyễn Thị Hậu	
24	Giới thiệu sách		Nguyễn Thị Thu Hiền	15
			Trần Văn Tám	
25	Sáng tạo TTN nhi đồng cấp huyện		GV hướng dẫn 4 sản phẩm	40
26	Sáng tạo TTN nhi đồng cấp tỉnh		GV hướng dẫn 3 sản phẩm	30
27	STEM cấp huyện		GV hướng dẫn 4 sản phẩm	40
28	STEM cấp tỉnh		GV hướng dẫn 3 sản phẩm	30
29	Bóng đá nam		Nguyễn Quốc Cường	30
30	Bóng chuyền nam		Lê Hữu Tiến	30
31	Bóng chuyền nữ		Lê Hữu Tiến	15
32	Chạy 100m nam, nữ		Nguyễn Quốc Cường	6
33	Chạy 200m nam, nữ		Nguyễn Quốc Cường	6
34	Chạy 400m nam, nữ		Nguyễn Quốc Cường	6
35	Chạy 800m nữ		Nguyễn Quốc Cường	12
36	Chạy 1500m nam		Nguyễn Quốc Cường	12
37	Nhảy cao nam, nữ		Nguyễn Quốc Cường	6
38	Nhảy xa nam, nữ		Nguyễn Quốc Cường	6

39	Cầu lông	Lê Hữu Tiến	15
40	Bóng bàn	Nguyễn Quốc Cường	18
41	Bóng rổ	Lê Hữu Tiến	15
42	Đá cầu	Lê Hữu Tiến	15
43	Cờ vua	Nguyễn Quốc Cường	15
44	Đẩy gậy	Nguyễn Quốc Cường	10
45	Bơi lội (Nam, nữ)	Lê Hữu Tiến	24
46	Võ cổ truyền	Nguyễn Quốc Cường	15
47	Thể dục Aerobic (Nam, nữ)	Lê Hữu Tiến	15
Tổng cộng			2565

* Bảng phân công giáo viên dạy phụ đạo học sinh yếu

STT	Môn	Khối lớp	Giáo viên dạy phụ đạo	Ghi chú
1	Toán Ngữ Văn Tiếng Anh	9	Đặng Thị Diệu Trần Văn Tám Nguyễn Tấn Tôn	Thời gian phụ đạo: Theo TKB của nhà trường
2	Toán Ngữ Văn Tiếng Anh	8	Nguyễn Thị Kiều Oanh Phan Thị Ánh Nguyệt Nguyễn Thị Hậu	
3	Toán Ngữ Văn Tiếng Anh	7	Nguyễn Thị Kim Vũ Đỗ Thị Công Đoàn Nguyễn Thị Hậu	
4	Toán Ngữ Văn Tiếng Anh	6	Phan Thị Thuỳ Dung Trần Thị Thuỳ My Nguyễn Tấn Tôn	

IV. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Nhiệm vụ chung

- Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, lớp 7, lớp 8; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 9; bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình năm học; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch Trường học hạnh phúc.

- Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục; đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học.

- Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên; bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học các môn học trong chương trình.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học; chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể

2.1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường (Thực hiện linh hoạt theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (Điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022)); đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực; đảm bảo thống nhất giữa kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2006; tích hợp lồng ghép các nội dung dạy học với các hoạt động trải nghiệm khác để tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đồng thời lưu ý thêm một số nội dung sau:

b) Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- *Đối với môn Khoa học tự nhiên*: Phân công giáo viên dạy học môn học bảo đảm yêu cầu phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Xây dựng kế hoạch dạy học trong đó bố trí thời gian, thời điểm dạy học các mạch nội dung linh hoạt trong từng học kì phù hợp với việc phân công giáo viên dạy học, bảo đảm tính khoa học, sư phạm và khả năng thực hiện của giáo viên.

- *Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*: Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên; giáo viên đảm nhận nội dung nào được thể hiện trên kế hoạch giáo dục và được tính giờ thực hiện

đối với nội dung đó theo phân phối chương trình (không trùng với nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành). Xây dựng kế hoạch giáo dục trong đó xác định cụ thể nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo từng loại hình hoạt động quy định trong chương trình; linh hoạt thời lượng dành cho các loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần; phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục tập thể khác của nhà trường bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phân công cụ thể người thực hiện để làm cơ sở tính toán định mức giờ dạy của từng giáo viên.

- *Đối với Nội dung giáo dục địa phương*: Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên. Xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề/ bài học. Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan.

c) Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006. Tiếp tục thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, lưu ý bổ trợ các nội dung theo chương trình GDPT 2018 để chuẩn bị cho học sinh lớp 9 học lên lớp 10 theo chương trình GDPT 2018.

d) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc dạy tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; tích hợp quốc phòng - an ninh vào các môn học theo quy định; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định; tiếp tục thực hiện tích hợp giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn trong các môn học/ hoạt động giáo dục theo hướng dẫn.

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

e) Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, học sinh di cư có hoàn cảnh khó khăn (Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các chế độ theo quy định); triển khai mô hình giáo dục từ xa cho học sinh khuyết tật không có điều kiện đến trường dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.

f) Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tổ chức các hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt Cụm chuyên môn trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại địa phương, cơ sở giáo dục; chủ động ứng phó với các tình huống dịch bệnh và các tình huống bất thường khác; tổ chức chuyên môn sinh hoạt theo nghiên cứu bài học 04 lần/ 01 học kỳ.

2.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

a) Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy mỗi bài học được xây dựng thành chuỗi các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 1850/SGDĐT-GDTrH ngày 07/9/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Đối với môn/ phân môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử.

b) Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh; thành lập ít nhất 03 Câu lạc bộ hoạt động có hiệu quả, thiết thực; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh; bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại; tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

c) Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của cấp trên theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dạy học và quản trị nhà trường.

2.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a) Thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định; xây dựng kế hoạch kiểm

tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; đối với chương trình giáo dục phổ thông 2006, không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS). Xây dựng kế hoạch kiểm tra giữa kỳ khoa học, không gây áp lực cho học sinh, tổ chức kiểm tra giữa kỳ I vào tuần 9,10, học kỳ 2 vào tuần 27,28).

b) Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Khuyến khích triển khai kiểm tra giữa kỳ trên máy tính (trắc nghiệm khách quan), kết hợp với hình thức tự luận. Nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra (kiểm tra giữa kỳ, định kỳ với 02 mã đề, trừ môn Ngữ văn). Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 1850/SGDĐT-GDTrH ngày 07/9/2022 đối với khối lớp 6, lớp 7, lớp 8; khuyến khích vận dụng kiểm tra, đánh giá theo Công văn này đối với khối lớp 9.

Đối với môn Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày tháng, địa điểm, số liệu một cách máy móc.

c) Về việc kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh THCS, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp học sinh không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu thì nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

d) Chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định (Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến), có quy định và hướng dẫn sử dụng việc kiểm tra, đánh giá trực tuyến khi áp dụng cho các môn học và hoạt động giáo dục, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực, đánh giá đúng năng lực của học sinh.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ

giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp (Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh giai đoạn 2018-2025"); tổ chức khảo sát nhu cầu học tập các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập của học sinh lớp 9 để chủ động chuẩn bị cho học sinh vào học lớp 10; tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong trường trung học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm chất lượng, hiệu quả; chú trọng việc xây dựng và thực hiện các chủ đề/ bài học STEM đối với một số môn học phù hợp nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

b) Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh.

2.5. Tham gia các kì thi, cuộc thi

a) *Đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi cấp huyện:* Tham gia đầy đủ tất cả các nội dung thi do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức gồm học sinh giỏi một số môn lớp 9 (tháng 11) và khảo sát dự thi tỉnh (tháng 2); thi Giáo viên giỏi cấp huyện 04 môn Vật lý; Lịch sử; Công nghệ; Tin học (tháng 11); thi tài năng Tiếng Anh OTE và thi Văn học – học văn (tháng 2); thi trưng bày sản phẩm STEM (tháng 3); thi học sinh giỏi lớp 6,7 môn Toán; Ngữ văn; Anh văn và thi học sinh giỏi lớp 8 các môn Toán; Ngữ văn; Anh văn; KHTN; Lịch sử và Địa lý; Tin học (tháng 4); thi các nội dung thể thao (tháng 12 và tháng 1).

b) *Các môn thi cấp trường:* Tổ chức nghiêm túc kỳ thi, hội thi một cách công bằng, đảm bảo số lượng, chất lượng và hiệu quả.

- Đối với giáo viên: Tham gia hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường vào cuối tháng 10; thi trưng bày sản phẩm dạy học STEM vào tháng 2.

- Đối với học sinh: Tham gia hội thi OTE (tháng 12), vẽ tranh (tháng 12), văn học - học văn (tháng 1).

Bên cạnh đó còn tổ chức các Hội thi theo kế hoạch của nhà trường do Trường Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp xây dựng và triển khai thực hiện.

2.6. Phát triển mạng lưới trường, lớp, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, công tác kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn

a) Phát triển mạng lưới trường, lớp

Phát triển mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Tiếp tục tham mưu UBND huyện đầu tư kinh phí xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

b) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tham mưu UBND cấp huyện, phối hợp với các trường THPT tổng hợp, xử lý số liệu, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định, bảo đảm chính xác, chất lượng, hiệu quả.

- Sử dụng thường xuyên, hiệu quả hệ thống thông tin điện tử để quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và thường xuyên cập nhật, kiểm tra tính xác thực của các số liệu trên hệ thống; có giải pháp phù hợp để khắc phục khó khăn, vướng mắc khi sử dụng hệ thống và bảo đảm tính pháp lý của số liệu.

- Thực hiện đảm bảo nội dung, quy trình, tiến độ thực hiện công tác phổ cập giáo dục THCS theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia

Trong năm học, nhà trường tập trung xây dựng kế hoạch tự đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, thu thập minh chứng, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo sau mỗi năm học.

Trường Huỳnh Thúc Kháng đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài và công nhận trường chuẩn quốc gia năm học 2023-2024 (Theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ định).

2.7. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

* Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng.

- Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục để đề nghị với cấp trên bổ sung giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng theo chuẩn quy định tại Luật Giáo dục 2019.

- * Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Chủ động tham mưu với cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhất là giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học các môn học trong chương trình.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học, hoạt động

giáo dục; phát huy hiệu quả đội ngũ giáo viên cốt cán để triển khai bồi dưỡng giáo viên qua mạng/ trực tiếp, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung tập huấn sử dụng sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 với nội dung bồi dưỡng thường xuyên và nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

b) Tăng cường quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, học liệu để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình.

- Bảo đảm phòng học và phòng chức năng phù hợp với các thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm chất lượng cho việc dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được cấp; xây dựng quy chế, kế hoạch sử dụng trang thiết bị dạy học đảm bảo gắn rõ trách nhiệm của cá nhân trong việc mượn trả, sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học, kiên quyết không để tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”; tăng cường kiểm tra, giám sát tần suất sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên. Đối với các thiết bị đã hết hạn sử dụng hoặc hỏng không còn sử dụng, đề xuất thanh lý, tiêu hủy theo quy định. Đưa tiêu chí đánh giá công tác quản lý, bảo quản, sử dụng thiết bị giáo dục của lãnh đạo, giáo viên, nhân viên nhà trường vào đánh giá, xếp loại thi đua đối với cá nhân giáo viên, nhân viên cuối năm học.

- Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

- Tổ chức hiệu quả việc góp ý sách giáo khoa theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT, Phòng GDĐT. Phát huy cao nhất vai trò tự chủ về chuyên môn của giáo viên trong việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. Phối hợp với các Nhà xuất bản tập huấn cho giáo viên sử dụng sách giáo khoa và cung ứng sách giáo khoa cho học sinh đầy đủ, kịp thời trước khai giảng năm học mới 2023-2024 và chuẩn bị cho các năm học tiếp theo, bảo đảm kịp thời, chất lượng, đúng quy định.

2.8. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

- Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức

thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Hội đồng trường phê duyệt theo quy định, báo cáo Phòng GDĐT sau Hội nghị cán bộ - viên chức đầu năm học.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, trong đó thực hiện nghiêm việc lạm dụng vị trí công tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo (Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo).

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra như việc dạy thêm, học thêm; công tác chuẩn bị và triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa, quản lý và sử dụng sách tham khảo; công tác quản lý hoạt động dạy học; công tác tuyển sinh đầu cấp; kiểm định chất lượng giáo dục của các nhà trường; chương trình giáo dục tích hợp; việc chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường THCS (Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 12/8/2022 của Bộ GDĐT hợp nhất quyết định về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường THCS).

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục; chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện có chính sách huy động các nguồn lực xã hội hóa phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới để được chia sẻ, đồng thuận, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- Khuyến khích đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

2.9. Tăng cường công tác phòng chống dịch trong nhà trường

a. Phòng chống dịch covid 19

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy trong công tác phòng, chống dịch; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Y tế trong phòng, chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm khác như sốt xuất huyết, tay chân miệng... không để dịch bùng phát trở lại và hạn chế tối đa xảy ra nguy cơ dịch chông dịch.

b. Phòng chống đau mắt đỏ

- Chủ động triển khai các biện pháp để phòng chống lây lan bệnh đau mắt đỏ theo khuyến cáo của ngành Y tế như: Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng, sử dụng nước sạch; không đưa tay lên dụi mắt, mũi, miệng; không dùng chung vật dụng cá nhân như: lọ thuốc nhỏ mắt, khăn mặt, kính mắt, khẩu trang...; vệ sinh mắt, mũi, họng hàng ngày bằng nước muối sinh lý, các thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi thông thường; hạn chế tiếp xúc với người bệnh mắc hoặc nghi mắc bệnh đau mắt đỏ.

- Chủ động phối hợp với ngành y tế địa phương tuyên truyền hướng dẫn trẻ em, học sinh kiến thức, kỹ năng phòng chống bệnh đau mắt đỏ; theo dõi sức khỏe của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh khi có triệu chứng đau mắt đỏ cần hạn chế tiếp xúc với người khác và đến các cơ sở khám chữa bệnh để được khám, tư vấn, điều trị kịp thời, không tự ý điều trị khi chưa có hướng dẫn của cán bộ y tế để tránh biến chứng nặng.

- Đảm bảo vệ sinh trường lớp, khi phát hiện ca bệnh đau mắt đỏ trong trường học... cần sát trùng các đồ dùng, bàn ghế; thông báo ngay cho cơ sở y tế để triển khai xử lý ổ dịch sớm, triệt để; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn tập thể; cung cấp đủ nước uống, nước sạch đảm bảo vệ sinh; thường xuyên làm vệ sinh môi trường; đặc biệt là các công trình cấp nước, công trình vệ sinh.

3. Công tác thi đua, khen thưởng

- Phát động và tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Thực hiện tốt công tác khen thưởng đối với cán bộ quản lý và giáo viên theo quy định.

- Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

- Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

4. Nội dung chương trình giáo dục nhà trường

a) Hoạt động chính khóa: Có phụ lục kèm theo.

b) Các hoạt động trải nghiệm thực hiện trong năm 2023-2024: Có phụ lục

kèm theo.

5. Kế hoạch huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực

a) Nguồn lực con người

- Hiệu trưởng nhà trường giữ vai trò chủ đạo trong công tác huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực tại đơn vị nhằm đảm bảo phải thực hiện được, có tính khả thi, chất lượng và hiệu quả giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Để thực hiện được điều đó đòi hỏi cán bộ quản lý phải có sự tích cực và năng động trong việc huy động các nguồn lực, đây là yếu tố quyết định nhằm thực hiện hiệu quả chất lượng dạy và học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Giáo viên sử dụng đúng với năng lực chuyên môn được đào tạo, bố trí công việc đảm bảo đạt hiệu quả cao.

- Nhân viên thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công, hỗ trợ cho cán bộ quản lý và giáo viên các công việc khi được đề nghị.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với các tổ chức trong nhà trường để tổ chức thực hiện, bảo đảm khả thi, chất lượng và hiệu quả. Điều đó đòi hỏi Ban cần nỗ lực phối hợp với các tổ chức trong nhà trường khi có đề nghị, tích cực tư vấn có hiệu quả cho các tổ chức của nhà trường và phụ huynh học sinh.

b) Nguồn lực tài chính

- Nguồn lực bên trong: Sử dụng nguồn vốn ngân sách bảo đảm đúng, tiết kiệm và khả thi để việc giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao.

- Nguồn lực bên ngoài: Huy động sự đóng góp, ủng hộ công sức của Ban đại diện CMHS và tài chính của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ cùng nhà trường nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện các kế hoạch đạt hiệu quả cao hơn.

V. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam

- Tham mưu UBND Tỉnh sớm ra văn bản hướng dẫn xét thăng hạng hoặc thi thăng hạng cho giáo viên, nhân viên đủ điều kiện.

- Sớm biên soạn và thẩm định Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8 để thực hiện ngay từ đầu năm học.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành

- Sớm ban hành khung chương trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 6,7,8. Ra đề cần dựa vào khung đã xây dựng.

- Cần sớm xây dựng chương trình dạy bồi dưỡng cho môn Tin học lớp 8.

- Nên hạn chế bớt nội dung không cần thiết trong tích hợp khi đưa vào KHBD.

3. Đối với UBND huyện Núi Thành

- Tổ chức xét thăng hạng cho giáo viên, nhân viên khi đủ các điều kiện, kể cả chuyển ngạch hưởng lương theo vị trí việc làm.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí để xây dựng mới khối phòng hành chính - quản trị, phòng Tổ bộ môn, phòng Thư viện, phòng Mĩ thuật, nhà Đa năng từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho nhà trường sớm để thực hiện vào đầu năm 2024.

- Đầu tư kinh phí để xây dựng sân bóng đá mini nền bê tông, thảm cỏ nhân tạo; quét sơn tường rào bao quanh khuôn viên trường để thực hiện kế hoạch Trường học hạnh phúc.

- Hỗ trợ kinh phí cho nhà trường để thực hiện chuyển đổi số theo văn bản chỉ đạo.

- Hỗ trợ học phí cho giáo viên theo học các lớp chứng chỉ liên môn như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Ngoại ngữ 2 để thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Đối với UBND xã Tam Hòa

- Giáo dục xã cần khen thưởng kịp thời cho HS và GV đạt thành tích cao trong các hội thi, tạo động lực thúc đẩy phát triển giáo dục ở địa phương.

- Xã nên tổ chức các hoạt động giao lưu giữa các trường nhân các ngày lễ lớn tạo sự gần gũi, thân mật giữa CBGVNV với cán bộ xã nhà.

5. Đối với nhà trường

- Chỉ đạo cho điểm KTTX để nhằm nâng cao chất lượng bộ môn; việc liên lạc giữa GVCN và phụ huynh về các vấn đề vi phạm của HS; thống nhất thời gian đưa giáo án lên vnedu; thống nhất thu quỹ lớp hay GVCN linh hoạt mức thu khác nhau; bảng điểm thi đua xem lại mức trừ của GVCN, TTCM, TPCM quá cao; phân công hỗ trợ, giúp đỡ GV thi GVG cấp huyện; xây dựng bảng điểm thi đua các lớp hợp lý, xem hệ số điểm sổ đầu bài.

- Mua bổ sung những loại sách tham khảo 8; sớm xây dựng kế hoạch cho các hội thi cấp trường OTE, VH-HV để GVCN, GVBM khởi bị động.

- Mua sắm mới giàn âm thanh cho nhà trường để tổ chức các hoạt động tập trung; đóng mới 01 tủ hồ sơ cho văn phòng để lưu trữ văn bản, hồ sơ giấy.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, chỉ đạo, trách nhiệm của các thành viên

a) Đối với Hiệu trưởng

- Ban hành quyết định thành lập các tổ, ban trong nhà trường, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ trưởng văn phòng.

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm, ...

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức Hội nghị để thông qua kế hoạch giáo dục của nhà trường do Hội đồng trường phê duyệt. Báo cáo kết quả phê duyệt bằng văn bản và gửi kế hoạch

về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học, có sơ kết và tổng kết.

- Chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

- Xây dựng bộ tiêu chí thi đua và vận động CBGVNV đăng ký thi đua.

- Triển khai nội dung bồi dưỡng GDTX đối với CBQL, GV.

b) Đối với Phó Hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm, liên quan đến các hoạt động giáo dục và website nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh và các kế hoạch do Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

- Phê duyệt kế hoạch của tổ chuyên môn/ kế hoạch hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn.

c) Đối với tổ chuyên môn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn và kế hoạch hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/ tháng. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH.

d) Đối với Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Xây dựng nội dung tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

đ) Đối với giáo viên

- Nghiên cứu kỹ, nắm bắt Chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 678, chương trình giáo dục hiện hành đối với khối 9 và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn theo đúng các văn bản quy định hiện hành phù hợp với điều kiện dạy và học

của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.\
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học, giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học.
- Phối hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

e) Đối với nhân viên văn thư

- Cập nhật kịp thời, chính xác thông tin 2 chiều giữa PGD và trường. Soạn thảo các loại văn bản, luân chuyển, lưu trữ công văn đi, công văn đến kịp thời, khoa học, chính xác.
- Quản lý và sử dụng con dấu của nhà trường do Hiệu trưởng uỷ quyền.
- Công khai thủ tục hành chính của nhà trường trên website, bảng niêm yết.
- Quản lý các loại hồ sơ, sổ sách hành chính, giáo vụ như sổ đăng bộ; sổ gọi tên và ghi điểm; học bạ học sinh; sổ ghi đầu bài; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ nghị quyết của nhà trường; sổ theo dõi công văn đi, công văn đến; hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ thi tốt nghiệp; sổ lưu trữ các văn bản, công văn và các loại hồ sơ khác.

f) Đối với nhân viên kế toán

- Xây dựng kế hoạch công khai tài chính, tài sản của nhà trường trên website, bảng niêm yết.
- Lưu trữ hồ sơ thu chi, chứng từ tài chính theo đúng quy định của cấp trên.
- Hồ sơ lưu các khoản thu ngân sách, thu hoạt động, chi ngân sách, chi khác một cách khoa học, đầy đủ, dễ tìm, dễ tra cứu và truy xuất.
- Quản lý và sử dụng tốt quỹ lương, các khoản vốn bằng tiền mặt.
- Quyết toán thu chi tài chính hằng năm chính xác, đúng khớp với thực tế.

g) Đối với nhân viên thư viện, thiết bị

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo Chương trình GDPT.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị đáp ứng cho hoạt động dạy và học.
- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.
- Báo cáo tình hình đọc sách của CBGVNV và học sinh cho phó hiệu trưởng chuyên môn.

h) Đối với nhân viên bảo vệ

- Bảo vệ cơ quan, bảo quản cơ sở vật chất an toàn tuyệt đối ban ngày và ban đêm.
- Thường xuyên phục vụ nước uống tại phòng hội đồng, nước uống phục vụ

nhân các hội nghị, đại hội, tiếp khách đại biểu.

- Quét dọn và vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ, bơm nước đầy các bồn chứa tại các nhà vệ sinh của nhà trường.
- Quét dọn sân trường, quét và lau phòng hội đồng, phòng họp hằng ngày.
- Chăm sóc và tưới cây xanh, cây cảnh hằng ngày của nhà trường.
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đề xuất kịp thời với Hiệu trưởng về tu sửa, thay thế các dụng cụ, đồ dùng hư hỏng trong nhà trường.

2. Công tác phối hợp với các bên liên quan Nhà trường

Chủ động tham mưu cho chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất. Phối hợp với Ban đại diện học sinh, các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo kế hoạch đã đề ra.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ trường học, thực hiện quy chế chuyên môn, xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.
- Phân công Phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, kiểm tra hồ sơ chuyên môn cá nhân, tập trung kiểm tra nội dung, phương pháp giảng dạy của giáo viên thông qua các giờ dạy, các hoạt động trải nghiệm, các chuyên đề, sinh hoạt tổ chuyên môn.
- Tăng cường kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học, phòng học bộ môn, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học.

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định, sử dụng lưu trữ và bảo quản.
- Các tổ chuyên môn, bộ phận thông tin kịp thời những khó khăn hoặc nhiệm vụ phát sinh với Hiệu trưởng nhà trường.
- Theo dõi thống kê, tổng hợp và báo cáo kịp thời các mặt hoạt động của nhà trường cho Hiệu trưởng và cấp trên.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 của trường THCS Huỳnh Thúc Kháng. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo kịp thời về lãnh đạo nhà trường để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- PHT (để chỉ đạo)
- Giáo viên (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Đình Phùng

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Phùng

Phụ lục I
HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian/ tháng	Nội dung công việc trọng tâm	Người phụ trách, thực hiện	Ghi chú
8/2023	+ Tập huấn sách giáo khoa lớp 8. + Kiểm tra công tác tuyển sinh lớp 6. + Tập huấn chữ ký số trên học bạ điện tử.	+ Phương; GVBM + Phùng + Phương	
9/2023	+ Tập huấn chuyên môn do PGD tổ chức. + Tập huấn dạy học học sinh khuyết tật. + củng cố các câu lạc bộ trong nhà trường. + Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường. + Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ. + Xây dựng kế hoạch HKPD; Trung thu + Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HSG và bồi dưỡng HSG 9. + Tổ chức sinh hoạt Trung thu tập trung	+ Phùng; Phương + Phương + Tuyền; Cường; Tiến; Phương + Phùng; Phương; TTCM; TTVP + Phùng + Cường; Tuyền + Phương; GV được phân công + HĐSP; HS	
10/2023	+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra giữa kỳ I + Tham gia giao lưu chuyên môn tại trường THCS Nguyễn Khuyến + Bồi dưỡng học sinh giỏi 678 + Tổ chức Hội thi GVG cấp Trường 4 môn theo kế hoạch của PGD + Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường	+ Phương + Phương; GVBM + GVBM + Theo kế hoạch + Theo kế hoạch	
11/2023	+ Kiểm tra giữa kỳ I (Tuần 9) + Kiểm tra phổ cập THCS cấp huyện + Tham gia giao lưu chuyên môn tại trường THCS Lý Thường Kiệt + Thi học sinh giỏi lớp 9 đợt 1	+ Theo kế hoạch + Phương; Bình + Phương; GVBM + Phương; học sinh	

	+ Thi giáo viên giỏi cấp huyện (Vật lý; Lịch sử; Công nghệ; Tin học)	+ GV 4 môn trên	
12/2023	+ Tham gia thi thể thao cấp huyện đợt 1 + Xây dựng kế hoạch kiểm tra cuối kỳ I + Dạy bồi dưỡng HSG các môn thi sau + Đón đoàn kiểm tra phổ cập của SGD + Kiểm tra học kỳ 1 (từ 25/12 → 6/1) + Tổ chức Hội thi OTE cấp trường	+ Cường; Tiến; HS + Phương + GVBM; HS + Phương; Bình + Theo kế hoạch + Theo kế hoạch	
01/2024	+ Tham gia thi thể thao cấp huyện đợt 2 + Sơ kết học kỳ 1, năm học 2023-2024 + Tổ chức Hội thi văn học – học văn cấp trường	+ Cường; Tiến; HS + Theo kế hoạch + Theo kế hoạch	
02/2024	+ Thi OTE; văn học – học văn huyện + Khảo sát HSG 9 dự thi tỉnh tại PGD + Xây dựng kế hoạch Trại trải nghiệm	+ Theo kế hoạch + Theo kế hoạch + Tuyền	
3/2024	+ Kiểm tra giữa kỳ II + Tham gia giao lưu chuyên môn tại trường THCS Trần Hưng Đạo + Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (nếu có) + Tham gia cuộc thi trưng bày sản phẩm STEM cấp huyện. + Đón đoàn kiểm tra kiểm định trường THCS Huỳnh Thúc Kháng + Tổ chức trại trải nghiệm 26/3/2024	+ Theo kế hoạch + Phương; GVBM + GV được chọn + Theo kế hoạch + CBGVNV + Theo kế hoạch	
4/2024	+ Tham gia sinh hoạt chuyên đề tại trường THCS Lê Lợi + Thi học sinh giỏi 678 (KHTN 8; LS&ĐL 8; Tin 8; Toán 678; Văn 678; Anh 678) + Tham gia thi HSG 9 cấp Tỉnh + Tham gia thi OTE, VH-HV cấp tỉnh + Xây dựng kế hoạch kiểm tra kỳ II	+ Phương; GVBM + Phương; HS + Phương; HSG 9 + Phương; HS + Phương	

5/2024	+ Kiểm tra cuối kỳ II từ 02/5 → 12/5 + Tham gia thi trưng bày sản phẩm STEM cấp tỉnh (nếu có) + Xét tốt nghiệp THCS + Tổ chức tham quan học sinh giỏi	+ Theo kế hoạch + Sản phẩm đạt giải + Theo kế hoạch + Theo kế hoạch	
--------	--	--	--

Phụ lục II
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 ĐỐI VỚI LỚP 6,7,8

Nội dung giáo dục		Số tiết/ năm học			Ghi chú
Ngữ văn		140			4 tiết/tuần
Toán		140			4 tiết/tuần
Tiếng Anh		105			3 tiết/tuần
Giáo dục công dân		35			1 tiết/tuần
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	53			105 tiết
	Địa lý	52			
Khoa học tự nhiên		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	140 tiết
	Hóa học	18	33	46	
	Vật lý	46	41	40	
	Sinh học	68	58	46	
	Kiểm tra	8	8	8	
Công nghệ 6,7		35			1 tiết/tuần
Công nghệ 8		52			1,5 tiết /tuần
Tin học		35			1 tiết/tuần
Giáo dục thể chất		70			2 tiết /tuần
Nghệ thuật	Âm nhạc	35			

	Mĩ thuật	35	70 tiết
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + Sinh hoạt lớp	70	105 tiết
	Chủ đề	35	
Giáo dục địa phương		35	
Tổng số tiết bắt buộc/tuần		29 tiết/ tuần (lớp 6,7) 29,5/ tuần (lớp 8)	
Tổng số tiết học/ năm		1015 tiết (lớp 6,7) 1032 (lớp 8-CN 8: 52 tiết)	

Phụ lục III

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC

[illegible]

[illegible]

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN LỚP 7 – HỌC KỲ I																				
Môn/tuần		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng /môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Anh văn		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
LS& ĐL		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
KHTN	Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	26
	Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	28
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN – HN	CC- SHL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	TN CĐ		2		2		2		2		2		2		2		2		2	18
Tổng số tiết bắt buộc trên tuần		28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	522

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN LỚP 7 – HỌC KỲ 2																			
Môn/tuần		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng g thời lượ ng /mô n
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Anh văn		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
LS& ĐL		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
KHTN	Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Sinh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN– HN	C C - S H L	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
	T N C Đ		2		2		2		2		2		2		2		2	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	28	30	29	493

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN LỚP 8 – HỌC KỲ I																				
Môn/tuần		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng /môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Anh văn		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	27
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
LS& ĐL		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
KHTN	Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	31
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	23
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN – HN	CC-SHL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	TN CĐ		2		2		2		2		2		2		2		2		2	18
Tổng số tiết bắt buộc trên tuần		28	30	28	30	28	30	28	30	28	31	29	31	29	31	29	31	29	31	531

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 8 – HỌC KỲ 2																			
Môn/tuần		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng g thời lượ ng /mô n
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Anh văn		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	25
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
LS& ĐL		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
KHTN	Lý	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	24
	Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Sinh	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	27
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN – HN	C C - S H L	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
	T N C Đ		2		2		2		2		2		2		2		2	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		28	30	28	30	28	30	28	30	28	31	29	31	29	31	29	31	30	501

[illegible]

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN LỚP 9 – HỌC KỲ 2																		
Môn/tuần	1 9	2 0	2 1	2 2	2 3	2 4	2 5	2 6	2 7	2 8	2 9	3 0	3 1	3 2	3 3	3 4	3 5	Tổng g thời lượng g /môn
Ngữ văn	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Anh văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học 9	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Lịch sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Địa lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tự chọn toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Vật lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Sinh học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HDNGL L – HN	CC- SHL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
	NGL L				2				2				2				2	8
Tổng số tiết bắt buộc trên tuần	3 2	3 2	3 2	3 4	3 2	3 2	3 2	3 4	3 2	3 2	3 2	3 4	3 2	3 2	3 2	3 4	3 2	552

Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2023-2024
(Tính tại thời điểm 05/9/2023)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Đăng viên	Trình độ chuyên môn
1	Phạm Đình Phùng	10/09/1975	Nam	Kinh	HT	x	ĐH
2	Phan Hoàng Phương	10/11/1979	Nam	Kinh	PHT	x	ĐH
3	Huỳnh Thị Phương Thảo	03/04/1978	Nữ	Kinh	TTCM	x	ĐH
4	Trần Văn Tám	20/11/1986	Nam	Kinh	TTCM	x	ĐH
5	Nguyễn Thị Mỹ Dung	28/07/1986	Nữ	Kinh	TTVP	x	ĐH
6	Nguyễn Quốc Cường	15/07/1980	Nam	Kinh	CTCĐ	x	ĐH
7	Đoàn Thị Trà My	26/03/1990	Nữ	Kinh	BTCĐ	x	ĐH
8	Nguyễn Thị Kim Tuyền	01/10/1984	Nữ	Kinh	TPT	x	ĐH
9	Đặng Thị Diệu	20/04/1989	Nữ	Kinh	TPCM	x	ĐH
10	Nguyễn Tấn Tôn	25/03/1970	Nam	Kinh	TPCM	x	ĐH
11	Nguyễn Thị Kim Vũ	16/04/1992	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH
12	Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/08/1991	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH
13	Lê Kiều Trang	09/05/1991	Nữ	Kinh	GV		ĐH
14	Võ Thị Hiền Sinh	05/05/1991	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH
15	Nguyễn Xuân Tùng	15/03/1977	Nam	Kinh	GV	x	ĐH
16	Phan Thị Thuỳ Dung	19/05/1988	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH
17	Trần Thị Trâm	23/01/1986	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH
18	Nguyễn Thị Thuý	19/02/1996	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH
19	Lê Hữu Tiến	18/06/1995	Nam	Kinh	GV	x	ĐH
20	Phạm Văn Đề	01/08/1968	Nam	Kinh	GV	x	ĐH
21	Phan Thị Ánh Nguyệt	30/07/1988	Nữ	Kinh	GV		ĐH
22	Đỗ Thị Công Đoàn	08/07/1993	Nữ	Kinh	GVHĐ		CĐ
23	Trần Thị Thuý My	18/12/1999	Nữ	Kinh	GVHĐ		CĐ
24	Nguyễn Thị Hậu	22/01/1987	Nữ	Kinh	GV		ĐH
25	Trần Thị Thương	20/07/1986	Nữ	Kinh	GV		ĐH
26	Bùi Thị Nhân	14/08/1997	Nữ	Kinh	GV		ĐH
27	Trần Thị Hải Yến	01/02/1996	Nữ	Kinh	GVHĐ		ĐH
28	Nguyễn Thị My	16/01/1995	Nữ	Kinh	GVHĐ		ĐH
29	Bùi Thị Bình	29/08/1984	Nữ	Kinh	NV	x	TC
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/06/1984	Nữ	Kinh	NV	x	TC
31	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	21/05/1988	Nữ	Kinh	NV	x	ĐH
32	Phạm Viết Vũ	28/07/1983	Nam	Kinh	NV		SC
33	Đoàn Lê Tú Uyên	28/8/1994	Nữ	Kinh	NV		SC

*** Về bộ môn và trình độ đào tạo giáo viên**

Tổng số	33
Nữ	24
Dân tộc	0
Nữ dân tộc	0
Đảng viên	20
Nữ đảng viên	12
CBQL	2
Giáo viên	25
Nữ giáo viên	19
Nhân viên	6
Nữ nhân viên	5

Trình độ	
Đại học	27
Cao đẳng	02
Trung cấp	02
Khác	02
Tổng	33

Trình độ nữ	
Đại học	20
Cao đẳng	02
Trung cấp	02
Khác	01
Tổng	24

Theo môn	
Toán	4
Vật lý	2
Hóa học	2
Sinh học	2
Lịch sử	1
Địa lý	1
GDCD	0
Tin học	1
Mỹ thuật	1
Âm nhạc	2
Thể dục	2
Anh văn	2
Công nghệ	0
Ngữ văn	5
Tổng cộng	25

Phụ lục V

CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP – NGOÀI GIỜ*** Khối lớp 6**

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Số tiết thực hiện
Tháng 9	Em với nhà trường	- Thiết lập mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và giữ gìn được tình bạn, tình thầy trò. - Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường - Học sinh nhận thức và thực hiện được những việc nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới. - Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè của HS - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh và nhà trường.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, ...	Tuần 1-4	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12
Tháng 10	Khám phá bản thân	- Học sinh giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân; - Phát hiện và nêu được sở thích, khả năng của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình; - Phát hiện được những giá trị của bản thân;	- Nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, Hoạt động thực tế	Tuần 5-8	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12

Tháng 11	Trách nhiệm với bản thân	- HS nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc bản thân; - HS nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai; biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề, thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 9-12	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12
Tháng 12	Rèn luyện bản thân	- Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; - Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế;	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 13-16	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12
Tháng 01	Em với gia đình	- Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình; - Nêu được những việc nhà em cần chủ động, tự giác thực hiện trong gia đình. Thể hiện được sự chủ động, tự giác làm việc nhà; - Tham gia giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình;	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 17-20	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12

Tháng 02	Thiết lập quan hệ với cộng đồng	- Nêu và thực hiện được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng; - Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn; - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện nơi cư trú; - Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng; - Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương; - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 21-24	-GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	12
Tháng 03	Khám phá thiên nhiên và môi trường	- Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên; -Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; - Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người; - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu;	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 25-28	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	12

		- Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ động vật quý hiếm					
Tháng 04	Khám phá thế giới nghề nghiệp	- Nêu được tên của các nghề phổ biến trong xã hội và các nghề đang có ở địa phương; - Trình bày được lợi ích, giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với các hoạt động lao động nghề nghiệp; - Nêu được tên một số nghề truyền thống ở Việt Nam và địa phương; - Nêu được hoạt động đặc trưng và lợi ích của nghề truyền thống; - Lập được kế hoạch tìm hiểu các nghề truyền thống;	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 29-32	- GV dạy HDTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	12
Tháng 05	Hiểu bản thân - chọn đúng nghề	- Nêu được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống; - Rèn luyện năng lực định hướng nghề nghiệp, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch; phẩm chất trung thực, trách nhiệm. - Biết cách làm sản phẩm của một nghề truyền thống; - Đánh giá sự phù hợp giữa năng lực, phẩm chất của bản thân với yêu cầu công việc của	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 33-35	- GV dạy HDTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	9

		một nghề truyền thống cụ thể; - Làm được sản phẩm của nghề truyền thống theo sở thích, khả năng của bản thân;					
--	--	--	--	--	--	--	--

*** Khối 7**

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Số tiết thực hiện
Tháng 9	Em với nhà trường	- Phát triển được mối quan hệ quan hệ hòa đồng với bạn bè, thầy cô và hài lòng về các mối quan hệ này. - Hợp tác được với thầy cô, các bạn để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết được những vấn đề nảy sinh. - Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của nhà trường. - Rèn luyện được năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, ...	Tuần 1-4	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	9
Tháng 10	Khám phá bản thân	- Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống - Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm	- Nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, Hoạt động thực	Tuần 5-8	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12

		xúc của bản thân - Phát triển phẩm chất, trách nhiệm, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực lập kế hoạch cá nhân và năng lực tư duy phê phán.	tế				
Tháng 11	Trách nhiệm với bản thân	- Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể - Rèn tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ, rèn luyện phẩm chất trách nhiệm - Xác định được một số tình huống nguy hiểm và biết tự bảo vệ trong các tình huống đó. - Rèn tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ, rèn luyện phẩm chất trách nhiệm.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 9-12	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	13
Tháng 12	Rèn luyện bản thân	- Thể hiện được thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ ở gia đình cũng như ở trường. - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc. - Biết kiểm soát các khoản chi tiêu và biết tiết kiệm tiền. - Lập được kế hoạch chi tiêu cho một số sự kiện trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 13-16	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	13
Tháng 01	Em với gia đình	- Bước đầu có kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm.	- Thảo luận nhóm,	Tuần 17-20	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	9

		-Thể hiện được sự lắng nghe tích cực khi tiếp nhận những ý kiến đóng góp và sự chia sẻ từ các thành viên trong gia đình. -Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch lao động tại gia đình.	ngiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.				
Tháng 02	Em với cuộc sống	- Thể hiện được hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa khi tham gia các hoạt động trong cộng đồng. - Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, không đồng tình với những hành vi kì thị về giới tính, dân tộc, địa vị xã hội. - Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo và vận động người thân, bạn bè tham gia. - Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 21-24	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	9
Tháng 03	Em với thiên nhiên và môi trường	- Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan. - Tìm hiểu được ảnh	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 25-28	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	13

		hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên trái đất. - Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.					
Tháng 04	Khám phá thế giới nghề nghiệp	- Xác định được một số nghề hiện có ở địa phương. - Nêu được công việc đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề ở địa phương. - Nêu được những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề đó ở địa phương. - Nhận diện được những nguy hiểm có thể xảy ra và cách giữ an toàn khi làm một số nghề ở địa phương.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 29-32	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	13
Tháng 05	Hiểu bản thân chọn đúng nghề	- Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của một số ngành nghề địa phương. - Rèn luyện, hình thành và phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác, lập kế hoạch; phẩm chất trách nhiệm.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 33-35	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	6

*** Khối 8:**

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Số tiết thực hiện
Tháng 9	Em với nhà trường	- Xây dựng được tình bạn và biết cách gìn giữ tình bạn. - Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kỹ năng phòng, tránh bắt nạt học đường. - Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai...	Tuần 1-4	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	9
Tháng 10	Khám phá bản thân	- Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân. - Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực. - Nhận diện được khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân trong một số tình huống.	- Nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, Hoạt động thực tế	Tuần 5-8	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	12
Tháng 11	Trách	- Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu	Tuần 9-12	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	15

	nhiệm với bản thân	- Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra. - Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.	cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.				
Tháng 12	Rèn luyện bản thân	- Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp. - Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi. - Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và quan hệ trên mạng xã hội.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 13-16	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	15
Tháng 01	Em với gia đình	- Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng. - Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình. - Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. - Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.	Tuần 17-20	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT	9
Tháng 02		- Tham gia các hoạt động giáo dục truyền	- Thảo luận	Tuần 21-24	- GV dạy HĐTN,	- TPT, Chi	9

	Em với cuộc sống	thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện. - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề.	nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế.		GVCN	đoàn	
Tháng 03	Em với thiên nhiên và môi trường	- Thiết kế được sản phẩm thể hiện về đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương. - Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. - Sưu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 25-28	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	15
Tháng 04	Khám phá thế giới nghề	- Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt	Tuần 29-32	- GV dạy HĐTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	6

	ng nghiệp	- Nêu được những thách thức đối với người làm nghề trong xã hội hiện đại.	động từ thực tế				
Tháng 05	Hiểu bản thân chọn đúng nghề	- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Nêu được phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề trong xã hội hiện đại. - Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. - Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 33-35	- GV dạy HDTN, GVCN	TPT, Chi đoàn	15

*** Khối 9 (HĐNGLL)**

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Số tiết thực hiện
Tháng 09	Cùng bạn đến	- Bầu cán bộ lớp - Nhiệm vụ của	- Thảo luận nhóm,	Tuần 4	GVCN	Đoàn xã	02

	trường	người học sinh cuối cấp THCS - Thi viết, vẽ ca ngợi truyền thống nhà trường. - Tổ chức “Lễ hội trăng rằm”	nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế				
Tháng 10	Chăm ngoan học giỏi	- Lễ đăng kí thi đua học tập tốt - Thi tìm hiểu thư Bác Hồ năm 1945 và 1968 - Sinh hoạt chủ đề “Em là nhà khoa học nhỏ” - Thi tài năng văn nghệ	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 8	GVCN	TPT	02
Tháng 11	Nhớ ơn thầy cô	- Tìm hiểu chủ đề “Tôn sư trọng đạo” - Sinh hoạt văn nghệ mừng 20/11 - Lễ đăng kí “Tháng học tốt, tuần học tốt” - Tổ chức kỉ niệm ngày 20/11	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 12	GVCN	TPT	02
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Tìm hiểu chủ đề “Thanh niên phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc: - Thi văn nghệ - Tổ chức hội vui học tập - Tổ chức giúp đỡ các gia đình có công với cách mạng, đền ơn đáp nghĩa. - Vẽ tranh theo chủ đề cho học sinh nhân ngày 22/12/2022 hoặc tổ chức các loại hình sân khấu.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 16	GVCN	TPT	02

Tháng 01,02	Mừng Đảng, mừng xuân	- Tìm hiểu về đường lối đổi mới của Đảng, nhà nước. - Sinh hoạt văn nghệ Mừng đảng, mừng xuân. - Trồng cây lưu niệm ở trường.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 20	GVCN	TPT	02
Tháng 03	Tiến bước lên đoàn	- Sinh hoạt chào mừng 8/3, 26/3 - Tìm hiểu truyền thống của đoàn và phương hướng rèn luyện gương sáng đoàn viên. - Thảo luận chuẩn bị Hội trại trải nghiệm 26/3.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 24	GVCN	TPT	02
Tháng 04	Mừng non sông thống nhất	- Sinh hoạt văn nghệ chào mừng ngày 30-4 - Tổ chức hội vui học tập. - Tổ chức diễn đàn thanh niên về chủ đề “Hòa bình và hữu nghị”.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 28	GVCN	TPT	02
Tháng 05	Bác Hồ kính yêu	- Thảo luận chủ đề “Bác Hồ với Thanh niên”. - Sinh hoạt văn nghệ mừng ngày 19/5.	- Thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, trò chơi, đóng vai, hoạt động từ thực tế	Tuần 32	GVCN	TPT	02

Phụ lục VI

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc chọn nghề có cơ sở khoa học.	Tháng 2/2024
2	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương.	Tháng 2/2024
3	Thế giới nghề nghiệp quanh ta.	Tháng 3/2024
4	Tìm hiểu thông tin về một số nghề ở địa phương	Tháng 3/2024
5	Thông tin về thị trường lao động.	Tháng 4/2024
6	Tìm hiểu năng lực bản thân và truyền thống nghề nghiệp của gia đình.	Tháng 4/2024
7	Hệ thống giáo dục trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề của trung ương và địa phương (tuyển sinh trình độ THCS trở lên).	Tháng 5/2024
8	Các hướng đi sau khi tốt nghiệp THCS.	Tháng 5/2024
9	Tư vấn hướng nghiệp.	Tháng 5/2024

Phụ lục VII

1. Chương trình GDPT 2018 (Lớp 6,7,8)

Môn/ Thời lượng			
TT	Môn	Thời lượng	Ghi chú
1	Toán	60 phút	
2	Ngữ văn	90 phút	
3	KHTN	90 phút	
4	Lịch sử và Địa lí	60 phút	
5	Tiếng Anh	60 phút	
6	Công nghệ	45 phút	
7	Tin học	45 phút	
8	GDCD	45 phút	
09	Thể dục	45 phút	
10	Mĩ thuật	45 phút	
11	Âm nhạc	45 phút	

2. Chương trình GDPT 2006 (Lớp 9)

Môn/ Thời lượng			
TT	Môn	Thời lượng	Ghi chú
1	Toán	60 phút	
2	Ngữ văn	90 phút	
3	Vật lí	45 phút	
4	Hóa học	45 phút	
5	Sinh học	45 phút	
6	Lịch sử	45 phút	
7	Địa lí	45 phút	
8	Tiếng Anh	45 phút	
9	Công nghệ	45 phút	
10	Tin học	45 phút	
11	GDCD	45 phút	
12	Thể dục	45 phút	
13	Mĩ thuật	45 phút	
14	Âm nhạc	45 phút	

Phục lục VIII

1. Chương trình GDPT 2018 (Lớp 6,7,8)

QUY ĐỊNH SỐ ĐẦU ĐIỂM KIỂM TRA TỐI THIỂU TRONG KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN THEO TT 22/2021/TT-BGD ĐỐI VỚI LỚP 6,7,8

TT	Môn	LỚP 6,7,8							
		HKI				HKII			
		Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra định kỳ		TS cột KT	Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra định kỳ		TS cột KT
			Giữa kỳ	Cuối kỳ			Giữa kỳ	Cuối kỳ	
01	Toán	4	1	1	6	4	1	1	6
02	Ngữ văn	4	1	1	6	4	1	1	6
03	Tiếng Anh	4	1	1	6	4	1	1	6
04	GDCD	2	1	1	4	2	1	1	4
05	Lịch sử và Địa lý	4	1	1	6	4	1	1	6
06	Khoa học tự nhiên	4	1	1	6	4	1	1	6
07	Công nghệ	2 (3)	1	1	4 (5)	2 (3)	1	1	4 (5)
08	Tin học	2	1	1	4	2	1	1	4
09	Giáo dục thể chất	2	1	1	4	2	1	1	4
10	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	2	1	1	4	2	1	1	4
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	1	1	4	2	1	1	4
12	Giáo dục địa phương	2	1	1	4	2	1	1	4

Đối với môn Công nghệ 8 là số liệu trong dấu ngoặc đơn.

2. Chương trình GDPT 2006 (Lớp 9)

Lớp 9							
TT	Môn	Số tiết và số con điểm tối thiểu/ học kỳ					Ghi chú
		Tổng Số tiết	Thường xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng	
1	Toán	140	4	1	1	6	
2	Ngữ văn	175	4	1	1	6	
3	Vật lí	70	3	1	1	5	Khối 9: 3TX:1GK:1CK
4	Hóa học	70	3	1	1	5	
5	Sinh học	70	3	1	1	5	
6	Lịch sử	53	3	1	1	5	
7	Địa lí	53	3	1	1	5	

8	Tiếng Anh	70	3	1	1	5	
9	Công nghệ	35	2	1	1	4	Khối 9: 2TX:1GK:1CK
10	Tin học	70	3	1	1	5	
11	GDCD	35	2	1	1	4	
12	Thể dục	70	3	1	1	5	Nhận xét
13	Mĩ thuật	17	2	1	1	4	Nhận xét
14	Âm nhạc	18	2	1	1	4	Nhận xét

Phụ lục IX											
TT	Lớp	GVCN	Đầu năm		Học sinh						
			TS	Nữ	Hộ nghèo	Cận nghèo	K. tật	Mồ côi	Khó khăn	TB, BB, LS	Dân tộc thiểu số
1	6.1	Nguyễn Thị Thuỷ	45	22				1	3		
2	6.2	Huỳnh Thị Nhạn	45	23	1			2	2		
3	6.3	Trần Thị Hải Yến	45	21					2		
4	6.4	Trần Thị Thuỳ My	46	23					8		
CỘNG KHỐI 6			181	89							
1	7.1	Trần Thị Trâm	45	25				1	5		1
2	7.2	Nguyễn Thị Kim Vũ	45	25			1	2	2		
3	7.3	Đỗ Thị Công Đoàn	43	24					7		
CỘNG KHỐI 7			133	74							
1	8.1	Nguyễn Xuân Tùng	38	18					5		
2	8.2	Nguyễn Thị Kiều Oanh	39	18					5		
3	8.3	Phan Thị Ánh Nguyệt	38	15				1	8		
CỘNG KHỐI 8			115	51							
1	9.1	Đặng Thị Diệu	41	19	1	1	1		7		
2	9.2	Phạm Văn Đề	40	20				1	7		
3	9.3	Huỳnh Thị Phương Thảo	40	18				1	8		
CỘNG KHỐI 9			121	57							
TOÀN TRƯỜNG			550	271	2	1	2	9	66	0	1

Phụ lục X

1. Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo (toàn diện)

TT	Đối tượng kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Tháng	Người chủ trì	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kiều Oanh	HĐSPNG	9	Đặng Thị Diệu	HS, CN
2	Nguyễn Tấn Tôn	HĐSPNG	9	Trần Văn Tám	HS, TD
3	Nguyễn Thị Thuỷ	HĐSPNG	10	Huỳnh Thị Phương Thảo	TD, CN
4	Phạm Văn Đề	HĐSPNG	10	Trần Văn Tám	HS, CN
5	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Toàn diện	11	Phạm Đình Phùng	Kế toán
6	Phan Thị Ánh Nguyệt	HĐSPNG	11	Trần Văn Tám	HS, TD, CN
7	Bùi Thị Nhân	HĐSPNG	12	Trần Văn Tám	HS, TD
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	Toàn diện	2	Phạm Đình Phùng	Thư viện
9	Nguyễn Thị Kim Vũ	HĐSPNG	3	Huỳnh Thị Phương Thảo	HS, TD, CN
10	Nguyễn Thị Hậu	HĐSPNG	3	Trần Văn Tám	HS, TD
11	Trần Thị Trâm	HĐSPNG	4	Huỳnh Thị Phương Thảo	HS, TD, CN
12	Phan Thị Thuỳ Dung	HĐSPNG	4	Huỳnh Thị Phương Thảo	HS, TD

2. Kiểm tra chuyên đề

TT	Đối tượng kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Tháng	Người chủ trì	Ghi chú
1	Đoàn Thị Trà My	Chuyên đề	9	Huỳnh Thị Phương Thảo	Hồ sơ
2	Đặng Thị Diệu	Chuyên đề	9	Huỳnh Thị Phương Thảo	Tiết dạy
3	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Chuyên đề	9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thiết bị
4	Trần Thị Thương	Chuyên đề	9	Trần Văn Tám	Tiết dạy
5	Lê Hữu Tiến	Chuyên đề	10	Huỳnh Thị Phương Thảo	Tiết dạy
6	Huỳnh Thị Nhạn	Chuyên đề	10	Huỳnh Thị Phương Thảo	Hồ sơ
7	Bùi Thị Bình	Chuyên đề	10	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Văn thư
8	Trần Thị Hải Yến	Chuyên đề	10	Trần Văn Tám	Tiết dạy

9	Lê Kiều Trang	Chuyên đề	11	Huỳnh Thị Phương Thảo	Tiết dạy
10	Nguyễn Quốc Cường	Chuyên đề	11	Huỳnh Thị Phương Thảo	Hồ sơ
11	Phan Hoàng Phương	Chuyên đề	11	Phạm Đình Phùng	Hồ sơ
12	Trần Văn Tám	Chuyên đề	11	Phan Hoàng Phương	Tiết dạy
13	Nguyễn Xuân Tùng	Chuyên đề	12	Huỳnh Thị Phương Thảo	Tiết dạy
14	Đoàn Lê Tú Uyên	Chuyên đề	12	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Phục vụ
15	Nguyễn Thị My	Chuyên đề	12	Trần Văn Tám	Tiết dạy
16	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Chuyên đề	2	Trần Văn Tám	Hồ sơ
17	Võ Thị Hiền Sinh	Chuyên đề	3	Huỳnh Thị Phương Thảo	Hồ sơ
18	Phạm Đình Phùng	Chuyên đề	3	Phan Hoàng Phương	Hồ sơ
19	Đỗ Thị Công Đoàn	Chuyên đề	3	Trần Văn Tám	Tiết dạy
20	Huỳnh Thị Phương Thảo	Chuyên đề	4	Phạm Đình Phùng	Tiết dạy
21	Phạm Viết Vũ	Chuyên đề	4	Phạm Đình Phùng	Bảo vệ
22	Trần Thị Thuỳ My	Chuyên đề	4	Trần Văn Tám	Chủ nhiệm

Phụ lục XI**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN NĂM 2023 (Thời điểm tháng 09/2023)**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Quê quán	Ngày vào đảng	Ngày vào đảng chính thức	Số thẻ đảng viên
1	Phạm Đình Phùng	Nam	10/09/1975	Quế Sơn, QN	03/02/2002	03/02/2003	55016226
2	Phan Hoàng Phương	Nam	10/11/1979	Tiên Phước, QN	27/11/2011	27/11/2012	55054015
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	24/06/1984	Núi Thành, QN	07/04/2007	07/04/2008	55041842
4	Trần Văn Tám	Nam	/11/1986	Thăng Bình, QN	15/07/2014	15/07/2015	55062647
5	Huỳnh Thị Phương Thảo	Nữ	03/04/1978	Núi Thành, QN	23/05/2010	23/05/2011	55049376
6	Nguyễn Tấn Tôn	Nam	25/03/1970	Núi Thành, QN	20/06/2003	20/06/2004	55019545
7	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	01/10/1984	Núi Thành, QN	24/04/2012	24/04/2013	55054019
8	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	28/07/1985	Núi Thành, QN	03/12/2012	03/12/2013	55056570
9	Phạm Văn Đề	Nam	01/08/1968	Núi Thành, QN	26/06/2013	26/06/2014	55057899
10	Đặng Thị Diệu	Nữ	20/04/1989	Núi Thành, QN	02/03/2014	02/03/2015	55061718
11	Nguyễn Quốc Cường	Nam	15/07/1980	Núi Thành, QN	18/03/2015	18/03/2016	55065529
12	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	15/03/1977	Núi Thành, QN	08/09/2016	08/09/2017	55069463
13	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Nữ	25/05/1988	Núi Thành, QN	28/09/2017	28/09/2018	55071594
14	Đoàn Thị Trà My	Nữ	26/03/1990	Núi Thành, QN	22/04/2014	22/04/2015	55060704
15	Võ Thị Hiền Sinh	Nữ	05/05/1991	Núi Thành, QN	15/06/2016	15/06/2017	55068262
16	Nguyễn Thị Kim Vũ	Nữ	16/04/1992	Núi Thành, QN	10/10/2020	10/10/2021	55079192
17	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	10/08/1991	Núi Thành, QN	12/08/2021	12/08/2022	55080967
18	Lê Hữu Tiến	Nam	18/06/1995	Núi Thành, QN	11/02/2021	11/02/2022	55079181
19	Trần Thị Trâm	Nữ	23/01/1986	Núi Thành, QN	16/05/2013	16/5/2014	55057819
20	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	19/02/1996	Núi Thành, QN	28/10/2022		
21	Bùi Thị Bình	Nữ	29/08/1984	Núi Thành, QN	08/06/2017	08/06/2018	55071546

Phụ lục XII

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC LỰC, NĂM HỌC 2023-2024

MÔN TOÁN

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		550	271	0	0,0	52	9,4	244	44,4	159	28,9	95	17,3	498	90,5	52	9,5
Khối 6		181	89	0	0,0	16	8,8	77	42,5	58	32,0	30	16,6	165	91,2	16	8,8
Khối 7		133	74	0	0,0	13	9,8	60	45,1	35	26,3	25	18,8	120	90,2	13	9,8
Khối 8		115	51	0	0,0	11	9,6	52	45,2	32	27,8	20	17,4	104	90,4	11	9,6
Khối 9		121	57	0	0,0	12	9,9	55	45,5	34	28,1	20	16,5	109	90,1	12	9,9

MÔN KHTN

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		429	214	0	0,0	10	2,3	210	48,9	139	32,4	70	16,3	419	97,7	10	2,3
Khối 6		181	89	0	0,0	4	2,2	89	49,2	58	32,0	30	16,6	177	97,8	4	2,2
Khối 7		133	74	0	0,0	3	2,3	65	48,9	45	33,8	20	15,1	130	97,7	3	2,3
Khối 8		115	51	0	0,0	3	2,6	56	48,7	36	31,3	20	17,4	112	97,4	3	2,6

MÔN VẬT LÝ 9

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 9		121	57	0	0,0	3	2,5	59	48,7	39	32,2	20	16,5	118	97,5	3	2,5

MÔN HOÁ HỌC 9

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 9		121	57	0	0,0	3	2,5	59	48,7	39	32,2	20	16,5	118	97,5	3	2,5

MÔN SINH HỌC 9

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 9		121	57	0	0,0	3	2,5	59	48,7	39	32,2	20	16,5	118	97,5	3	2,5

MÔN TIN HỌC

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		550	271	0	0,0	8	1,5	219	4,0	183	3,3	100	18,2	502	9,1	8	1,5
Khối 6		181	89	0	0,0	3	1,7	89	49,2	59	32,6	30	16,6	178	98,3	3	1,7
Khối 7		133	74	0	0,0	2	1,5	66	49,6	45	33,8	20	15,0	131	98,5	2	1,5
Khối 8		115	51	0	0,0	3	2,6	56	48,7	36	31,3	20	17,4	112	97,4	3	2,6
Khối 9		81	39	0	0,0	0	0	8	9,9	43	53,1	30	37	81	100	0	0

MÔN CÔNG NGHỆ

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		550	271	0	0,0	0	0,0	227	41,3	157	28,5	115	20,9	550	100	0	0,0
Khối 6		181	89	0	0,0	0	0,0	91	50,3	45	24,9	45	24,9	181	100	0	0,0
Khối 7		133	74	0	0,0	0	0,0	67	50,4	35	26,3	30	22,6	133	100	0	0,0
Khối 8		115	51	0	0,0	0	0,0	58	50,4	37	32,2	20	17,4	115	100	0	0,0
Khối 9		121	57	0	0,0	0	0,0	61	50,4	40	33,1	20	16,5	121	100	0	0,0

MÔN NGỮ VĂN

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		550	271	0	0,0	36	6,5	235	42,7	198	36,0	82	14,9	514	93,5	36	6,5
Khối 6		181	89	0	0,0	15	8,3	70	38,7	72	39,8	25	13,8	166	91,7	15	8,3
Khối 7		133	74	0	0,0	12	9,0	59	44,4	45	33,8	17	12,9	121	91,0	12	9,0
Khối 8		115	51	0	0,0	2	1,7	32	27,8	51	44,3	30	26,1	113	98,3	2	1,7
Khối 9		121	57	0	0,0	7	5,8	74	61,1	30	24,8	10	8,3	114	94,2	7	5,8

MÔN TIẾNG ANH

STT	Lớp	T.Số học sinh	Tổ n g số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		550	271	0	0,0	34	6,2	214	38,9	175	31,8	131	23,8	522	94,9	28	5,1
Khối 6		181	89	0	0,0	15	8,3	97	53,6	44	24,3	27	14,9	166	91,7	15	8,3
Khối 7		133	74	0	0,0	6	4,5	28	21,1	55	41,4	46	34,6	130	97,7	3	2,3
Khối 8		115	51	0	0,0	6	5,2	29	25,2	48	41,7	32	27,8	112	97,4	3	2,6
Khối 9		121	57	0	0,0	7	5,9	60	49,6	28	23,1	26	21,5	114	94,2	7	5,8

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				S L	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		550	271	0	0,0	21	3,8	203	36,9	216	39,3	112	20,4	544	98,9	6	1,1
Khối 6		181	89	0	0,0	0	0	66	36,4	68	37,6	47	26	181	100	0	0,0
Khối 7		133	74	0	0,0	15	11,3	50	37,6	48	36,1	20	15,0	130	97,7	3	2,3
Khối 8		115	51	0	0,0	6	5,2	39	33,9	50	43,4	22	19,1	112	97,4	3	2,6
Khối 9		121	57	0	0,0	0	0,0	48	39,6	50	41,3	23	19,1	121	100	0	0,0

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL

TỔNG CỘNG	429	214	0,0	0,0	28	6,5	168	39,2	139	32,4	94	21,9	401	93,5	28	6,5
Khối 6	181	89	0,0	0,0	10	5,5	80	44,2	60	33,0	31	17,1	171	94,5	10	5,5
Khối 7	133	74	0,0	0,0	13	9,8	53	39,8	41	30,8	26	19,5	120	90,2	13	9,8
Khối 8	115	51	0,0	0,0	5	4,4	35	30,4	38	33,0	37	32,2	110	95,6	5	4,4

MÔN LỊCH SỬ 9

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 9		121	57	0	0,0	5	4,1	34	28,0	43	35,5	38	31,4	116	95,9	5	4,1

MÔN ĐỊA LÝ 9

STT	Lớp	Tổng số HS	Tổng số HS nữ	Kém		Yếu		TB		Khá		Giỏi		TB trở lên		Dưới TB	
				0 <= Điểm < 3.5		3.5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		0 <= Điểm < 5	
				SL	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 9		121	57	0	0,0	0	0,0	46	38	45	37,1	30	24,8	121	100	0	0,0

BẢNG ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Lớp chủ nhiệm, Năm học 2023-2024

STT	LỚP	SĨ SỐ	TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH (Đạt)		YẾU (Chưa đạt)	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	6/1	45	43	95,5	2	4,4	0	0,0	0	0,0
2	6/2	45	40	88,9	5	11,1	0	0,0	0	0,0
3	6/3	45	40	88,9	5	11,1	0	0,0	0	0,0
4	6/4	46	42	91,3	4	8,7	0	0,0	0	0,0
5	7/1	45	39	86,6	4	8,8	2	4,4	0	0,0
6	7/2	45	41	91,1	4	8,8	0	0,0	0	0,0
7	7/3	43	38	88,4	5	11,6	0	0,0	0	0,0
8	8/1	38	33	86,8	5	13,2	0	0,0	0	0,0
9	8/2	39	35	89,7	4	10,3	0	0,0	0	0,0
10	8/3	38	33	86,9	5	13,1	0	0,0	0	0,0
11	9/1	41	32	78,0	7	17,1	2	4,9	0	0,0
12	9/2	40	36	90,0	4	10,0	0	0,0	0	0,0
13	9/3	40	35	87,5	5	12,5	0	0,0	0	0,0
Tổng cộng		550	487	88,54	59	10,72	4	0,72	0	0,0

BẢNG ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU XẾP LOẠI HỌC LỰC

Lớp chủ nhiệm, Năm học 2023-2024

STT	LỚP	SĨ SỐ	TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH (Đạt)		YẾU (Chưa đạt)	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	6/1	45	15	33,3	20	44,4	10	22,2	0	0,0
2	6/2	45	10	22,2	20	44,5	15	33,3	0	0,0
3	6/3	45	12	26,7	20	44,4	13	28,9	0	0,0
4	6/4	46	10	21,7	18	39,13	15	32,6	3	6,5
5	7/1	45	14	31,1	15	33,3	12	26,6	4	8,8
6	7/2	45	14	31,1	15	33,3	16	35,5	0	0,0
7	7/3	43	3	6,9	14	32,5	26	60,4	0	0,0
8	8/1	38	10	26,3	11	28,9	15	39,5	2	5,3
9	8/2	39	10	25,6	15	38,5	13	33,3	1	2,6
10	8/3	38	33	86,9	5	13,1	0	0,0	0	0,0
11	9/1	41	8	19,5	17	41,5	16	39,0	0	0,0
12	9/2	40	10	25,0	20	50,0	10	25,0	0	0,0
13	9/3	40	13	32,5	14	35,0	13	32,5	0	0,0
Tổng cộng		550	162	29,45	204	37,09	174	31,63	10	1,81

Phụ lục XIII

BẢNG ĐĂNG KÍ CHỈ TIÊU BỘ MÔN ĐÁNH GIÁ BẰNG NHẬN XÉT
MÔN: GDTC VÀ THỂ DỤC NĂM HỌC 2023-2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	550	550	100%	0	0,0
Khối 6	181	181	100%	0	0,0
Khối 7	133	133	100%	0	0,0
Khối 8	115	115	100%	0	0,0
Khối 9	121	121	100%	0	0,0

MÔN: GDDP NĂM HỌC 2023-2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	133	133	100%	0	0,0
Khối 7	133	133	100%	0	0,0

MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NĂM HỌC 2023-2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	429	429	100%	0	0,0
Khối 6	181	181	100%	0	0,0
Khối 7	133	133	100%	0	0,0
Khối 8	115	115	100%	0	0,0

MÔN: NGHỆ THUẬT NĂM HỌC 2023 - 2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	429	429	100%	0	0,0
Khối 6	181	181	100%	0	0,0
Khối 7	133	133	100%	0	0,0
Khối 8	115	115	100%	0	0,0

MÔN: GDDP NĂM HỌC 2023 - 2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	296	133	100%	0	0,0
Khối 6	181	133	100%	0	0,0
Khối 8	115	115	100%	0	0,0

MÔN: MỸ THUẬT 9 NĂM HỌC 2023 – 2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	121	121	100%	0	0,0
Khối 9	121	121	100%	0	0,0

MÔN: ÂM NHẠC 9 NĂM HỌC 2023 - 2024

Lớp	TỔNG SỐ HS	Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	121	121	100%	0	0,0
Khối 9	121	121	100%	0	0,0

Phụ lục XIV
ĐĂNG KÝ THI ĐUA, KHEN CAO, ĐỀ TÀI SÁNG KIẾN
NĂM HỌC 2023-2024

1. Chỉ tiêu đăng kí

1.1. Học sinh giỏi cấp huyện

TT	HỌ VÀ TÊN	MÔN	ĐKSL đạt
1	Phan Thị Thùy Dung Phạm Đình Phùng	Toán 6	2
2	Đặng Thị Diệu Nguyễn Thị Kim Vũ	Toán 7	2
3	Nguyễn Thị Kiều Oanh Phạm Đình Phùng	Toán 8	1
4	Nguyễn Xuân Tùng	KHTN Phân môn Lí 8	1
	Nguyễn Thị Thuỷ Trần Thị Trâm	KHTN Phân môn Sinh 8	1
	Đoàn Thị Trà My Huỳnh Thị Phương Thảo	KHTN Phân môn Hoá 8	1
5	Lê Kiều Trang	Tin 8	1

1.2. TDTT: Đạt 20 giải cấp huyện và 1 giải cấp tỉnh.

2. Đăng ký tên chuyên đề sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học

Tháng	Môn	Nội dung bài dạy	Khối lớp	Giáo viên dạy TN
9	KHTN Phân môn Hoá	Tuần 4	8	Đoàn Thị Trà My
10	GDTC	Tuần 8	7	Lê Hữu Tiến
11	Tin học	Tuần 12	7	Lê Kiều Trang
12	KHTN Phân môn Lí	Tuần 15	8	Nguyễn Xuân Tùng
01	Toán	Tuần 20	6	Phan Thị Thùy Dung
02	KHTN phân môn Sinh học	Tuần 22	6	Nguyễn Thị Thuỷ
03	Toán	Tuần 26	7	Nguyễn Thị Kim Vũ
04	KHTN Phân môn Sinh	Tuần 30	8	Trần Thị Trâm

3. Đăng ký tên các chuyên đề, ngoại khóa trong năm học

TT	Họ tên người thực hiện	Nội dung	Tháng
1	Nguyễn Quốc Cường Lê Hữu Tiến	CLB TDTT	10
2	Trần Thị Trâm Nguyễn Thị Thuỷ	Giáo dục giới tính vị thành niên cho HS khó 8,9	3

4. Đăng kí thi STEM, sáng tạo Thanh thiếu niên Nhi đồng

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI HD	TÊN ĐỀ TÀI	STEM/STTTNNĐ
1	Đặng Thị Diệu		1
2	Nguyễn Xuân Tùng		1
3	Võ Thị Hiền Sinh		1

5. Đăng kí thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện năm học 2023-2024

TT	HỌ VÀ TÊN GV	MÔN	CẤP TRƯỜNG	CẤP HUYỆN
1	Huỳnh Thị Phương Thảo	Hoá 7,9 Công Nghệ 9	x	
2	Đặng Thị Diệu	Toán 9	x	
3	Nguyễn Quốc Cường	Thể dục 9	x	
4	Nguyễn Xuân Tùng	Lí 8,9	x	x (Vật Lý)
5	Đoàn Thị Trà My	Hoá 8 Công Nghệ 6	x	
6	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Toán 8	x	
7	Lê Kiều Trang	Tin 6,7,8,9	x	X (Tin học)
8	Lê Hữu Tiến	GDTC 6,7	x	
9	Nguyễn Thị Thuỷ	Sinh 6,9	x	
10	Trần Thị Trâm	Sinh 7, 8 Công nghệ 7	x	
11	Nguyễn Thị Kim Vũ	Toán 8	x	
12	Phan Thị Thuỳ Dung	Toán 6	x	
13	Nguyễn Tấn Tôn	Anh văn 6, 9	x	
14	Bùi Thị Nhàn	Lịch sử 7,8,9 và Địa lí 7.	x	x (Lịch sử)
15	Phan Thị Ánh Nguyệt	Ngữ văn 8; Chủ nhiệm 8/3. Thư ký HĐ, Kiểm định.	x	
16	Nguyễn Thị Hậu	Tiếng Anh 7, Tiếng Anh 8, TTCD	x	
17	Trần Văn Tám	Ngữ văn 7, 9, Lịch sử- địa lý (Lịch sử 6)	x	
18	Phạm Văn Đề	Ngữ văn 9/1; Ngữ văn 6/12;	x	

		Chủ nhiệm 9/1; TBTT		
19	Trần Thị Thương	Mĩ thuật 678; GDĐP 68	x	
20	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Âm nhạc khối 7,8,9 + TPT Đội	x	

6. Đăng ký thi đua, cấp khen thưởng, tên sáng kiến năm học 2023-2024

TT	Họ và tên	Dạy môn, lớp; nhiệm vụ kiêm nhiệm	Danh hiệu thi đua đạt năm trước	Đăng ký cấp trên khen thưởng năm 2023- 2024	Tên sáng kiến (hoặc chủ đề, ...)	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Phương Thảo	Hoá 7,9 Công Nghệ 9 CN lớp 9/3 TTCM	LĐTT	Tỉnh khen	Sử dụng phương pháp dạy học dạy học theo góc (trạm) trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 vào môn Hoá học ở trường THCS.	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Đặng Thị Diệu	Toán 9	CSTĐ	Tỉnh khen	Hệ thống các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	Nguyễn Xuân Tùng	Lí 8,9	LĐTT Giấy khen của UBND huyện	Sở GD khen	Hệ thống các bài Toán bồi dưỡng học sinh giỏi môn Vật Lý lớp 9	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Trần Văn Tám	Ngữ văn 7, 9, Lịch sử- địa lý (Lịch sử 6)	CSTĐC S	CSTĐ cấp tỉnh. Bằng khen của Bộ GD&ĐT. Giấy khen của Giám đốc Sở.	Sử dụng phương pháp mô hình lớp học đảo ngược kết hợp với kỹ thuật bẻ cá để dạy nói và nghe nhằm phát triển năng lực cho học sinh ở bộ môn ngữ văn 7.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
5	Nguyễn Thị Hậu	Tiếng Anh 7, Tiếng Anh 8, TTCD	LĐTT	CSTĐCS	Một số hoạt động giúp học sinh phát huy năng lực ở phần phát âm trong hoạt động A closer look 1.	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
6	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Thiết bị	LĐTT	CSTĐCS	Một số giải pháp quản lý việc tự làm, sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học ở trường THCS	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
7	Nguyễn Quốc Cường	Thể dục 9	LĐTT	CSTĐCS	Một số bài tập giảng dạy nhằm nâng cao thành tích môn nhảy xa “kiểu ngồi” của học sinh THCS.	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

8	Bùi Thị Bình	Văn thư	LĐTT	CSTĐCS	Tạo phương pháp dễ hiểu trong việc hướng dẫn thầy cô làm tốt cách thức trình bày thể thức của một văn bản.	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thư viện	LĐTT	LĐTT	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả đọc sách thông qua các hoạt động trong thư viện trường học	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
10	Võ Thị Hiền Sinh		LĐTT Giấy khen của SGD	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
11	Lê Kiều Trang	Tin 6,7,8,9	LĐTT	Huyện khen		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
12	Phan Thị Ánh Nguyệt	Ngữ văn 8; Chủ nhiệm 8/3. Thư ký HĐ, KĐ.	CSTĐC S	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
13	Nguyễn Tấn Tôn	Tiếng Anh	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
14	Trần Thị Thương	Mĩ thuật	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
15	Phạm Văn Đề	Ngữ văn	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành nhiệm vụ
16	Phạm Đình Phùng	Hiệu trưởng	LĐTT	LĐTT		HTTNV
17	Phan Hoàng Phương	Phó hiệu trưởng	LĐTT	CSTĐCS		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
18	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Âm nhạc khối 7,8,9 + TPT Đội	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
19	Bùi Thị Nhàn	Lịch sử 7,8,9 và Địa lí 7.		LĐTT		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
20	Đoàn Thị Trà My	Hoá 8 Công Nghệ 6	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
21	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Toán 8	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
22	Lê Hữu Tiến	GDTC 6,7	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
23	Nguyễn Thị Thuỷ	Sinh 6,9	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
23	Trần Thị	Sinh 7, 8	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành

	Trâm	Công nghệ 7				tốt nhiệm vụ
24	Nguyễn Thị Kim Vũ	Toán 8	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
25	Phan Thị Thủy Dung	Toán 6	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
26	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kế toán	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
28	Phạm Viết Vũ	Bảo vệ	LĐTT	LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ
29	Đoàn Lê Tú Uyên	Bảo vệ		LĐTT		Hoàn thành tốt nhiệm vụ